

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Số: 31/2025/HNGĐ – ST

Ngày: 04/6/2025

*V/v “Tranh chấp ly hôn và
con chung”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Vui
2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 462/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐHPT ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Công T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Bị đơn: Bà Hà Thị T1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2024, bản tự khai, nguyên đơn ông Lê Công T trình bày:

Ông T và bà Hà Thị T1 tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết vào năm 2014 tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông T xin được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 người con chung tên Lê Công T2, sinh ngày 07/4/2014. Khi ly hôn, ông T đồng ý giao con cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Hà Thị T1: Bà T1 có đăng ký hộ khẩu tại 3A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T1 và triệu tập bà T1 làm việc theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà T1 không có văn bản trình bày ý kiến, không giao nộp tài liệu chứng cứ và không có mặt theo các thông báo, quyết định của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành pháp luật, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà T1 theo luật định. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông ông T với bà T1.

+ Về con chung: Giao con chung tên Lê Công T2, sinh ngày 07/4/2014 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng, không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Không xem xét do không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với bà T1. Bà T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp C, xã L, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông T vắng mặt có yêu cầu đơn xin vắng mặt. bị đơn là bà T1 vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt văn bản

tổ tụng đối với bà T1 theo quy định. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 có đăng ký kết hôn tại có đăng ký kết tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước, vì vậy hôn nhân của ông T và bà T1 là hợp pháp. Ông T cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2024, bà T1 và ông T ly thân từ cuối năm 2024 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên ông T xin ly hôn với bà T1. Đối với bà T1, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà T1 không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải để đưa ra ý kiến và biện pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T.

Về con chung: Ông T và bà T1 có 01 người con chung tên Lê Công T2, sinh ngày 07/4/2014. Theo ông T trình bày hiện con chung đang sống cùng bà T1, ông T đồng ý giao con cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T1 không đến Tòa án làm việc nhưng qua làm việc với ông Nguyễn Văn T3, là Trưởng Ban điều hành ấp 3A, xã L thì khi bà T1 đi khỏi nhà, không chung sống cùng với ông T nữa thì bà T1 có dẫn theo cháu T2 đi cùng với bà T1. Vì vậy, cần giao con chung là Lê Công T2 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T1 không đến Tòa án làm việc, không có yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu xem xét giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Ông T và bà T1 không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy ông T phải chịu số tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2015;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Lê Công T và bà Hà Thị T1.
2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Công T2, sinh ngày 07/4/2014 cho bà T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Ông Lê Công T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006769 ngày 09 tháng 12 năm 2024.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- THA DS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã Lộc Thuận;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thị Oanh